

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKH&CN ngày 10 tháng 10 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng Theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Đại diện chất lượng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chỉ đạo xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH-CN;
- Lưu: VT, ISO



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
VÀ VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 844 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

1.	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng
2.	Chính sách chất lượng
3.	Mục tiêu chất lượng
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản
5.	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ
6.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục
7.	Quy trình kiểm soát rủi ro và cơ hội
8.	Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo
9.	Quy trình Chấp thuận chủ trương đầu tư
10.	Quy trình Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư
11.	Quy trình Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản.
12.	Quy trình Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
13.	Quy trình Tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.
14.	Quy trình Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
15.	Quy trình Tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.
16.	Quy trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
17.	Quy trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi - Báo cáo kinh tế kỹ thuật
18.	Quy trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình
19.	Quy trình Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
20.	Quy trình Xác định giá đất cụ thể
21.	Quy trình Phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp và các Công ty Nhà nước thực hiện cổ phần hóa.
22.	Quy trình Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền

	sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải chấp thuận chủ trương đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
23.	Quy trình Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
24.	Quy trình Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp Chuyển đổi công ty, Công ty bị chia, tách hoặc sáp nhập, hợp nhất trong các trường hợp Công ty trước khi chuyển đổi, chia, tách hoặc sáp nhập, hợp nhất đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất thu tiền sử dụng đất một lần cho cả thời gian thuê, giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước
25.	Quy trình Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
26.	Quy trình Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai (đối với tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; người sử dụng đất thuê của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất)
27.	Quy trình Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
28.	Quy trình Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai
29.	Quy trình Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai
30.	Quy trình Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

31.	Quy trình Gia hạn quyền sử dụng đất
32.	Quy trình Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
33.	Quy trình Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
34.	Quy trình Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
35.	Quy trình Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
36.	Quy trình Gia hạn giấy phép tận thu khoáng sản
37.	Quy trình Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
38.	Quy trình Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
39.	Quy trình Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
40.	Quy trình Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản
41.	Quy trình Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.
42.	Quy trình Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
43.	Quy trình Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản
44.	Quy trình Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
45.	Quy trình Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình
46.	Quy trình Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản
47.	Quy trình Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản
48.	Quy trình Cấp giấy phép khai thác khoáng sản
49.	Quy trình Xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình
50.	Quy trình Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
51.	Quy trình Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt
52.	Quy trình Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô vừa/nhỏ)
53.	Quy trình Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
54.	Quy trình Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước
55.	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước

	dưới đất
56.	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt
57.	Quy trình Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô vừa/nhỏ)
58.	Quy trình Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước
59.	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô vừa/nhỏ)
60.	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép thăm dò nước dưới đất
61.	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước
62.	Quy trình Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
63.	Quy trình Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất
64.	Quy trình Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
65.	Quy trình Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước <i>(Thực hiện đồng thời với hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước)</i>
66.	Quy trình Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước <i>(Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ có hiệu lực thi hành)</i>
67.	Quy trình Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với cá nhân
68.	Quy trình Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức
69.	Quy trình Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
70.	Quy trình Sửa đổi/bổ sung/gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân
71.	Quy trình Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
72.	Quy trình phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường
73.	Quy trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
74.	Quy trình Phê duyệt Phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du đập thủy điện, thủy lợi

75.	Quy trình tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo tỉnh tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh
76.	Quy trình tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh
77.	Quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do UBND tỉnh tiếp nhận
78.	Quy trình Công bố thủ tục hành chính mới ban hành
79.	Quy trình Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
80.	Quy trình Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp
81.	Quy trình Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính
82.	Quy trình Phê duyệt Danh sách công chức, viên chức đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành
83.	Quy trình Phê duyệt danh sách nhân sự của các sở, ban ngành được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
84.	Quy trình Phê duyệt Báo cáo tổng hợp và kết quả đánh giá, phân loại việc giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh
85.	Quy trình Phê duyệt bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh
86.	Quy trình Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Kon Tum được tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia
87.	Quy trình Tiếp nhận, xử lý, đăng tải công khai phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp